PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN CHƯA ĐƯỢC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN THẨM ĐỊNH, SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG ĐƯỢC PHÊ DUYỆT SAU NÀY CHO CÁC HỘ DÂN CÓ THỂ TĂNG HOẶC GIẢM SO VỚI PHƯƠNG ÁN DỰ THẢO

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
CHI NHÁNH PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KHU VỰC VI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 19 tháng 10 năm 2026

DỰ THẢO

PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, huyện Châu Thành A (Khu giao đất cho Công ty Cổ phần Bê tông 620 Hậu Giang) – Đợt 1

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ LẬP PHƯƠNG ÁN:

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của HĐND thành phố Cần Thơ quy định bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Quyết định số 63/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, côcng trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định 29/2026/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Quyết định số 34/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Quyết định số 54/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ quy định phân cấp thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Quyết định số 59/2026/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quy chế phối hợp thực hiện trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Quyết định số 69/2026/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ quy định trinh tự thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn Cần Thơ;

Quyết định số 76/2026/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ quy định hạn mức giao đất, công nhận đất ở, nhận chuyển quyền sử dụng đất; diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp; diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc quy hoạch đất để đầu tư xây dựng Cụm Công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang;

Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2005 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng Cụm Công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang;

Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2006 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc quy hoạch đất để đầu tư xây dựng Cụm Công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang;

Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2005 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng Cụm Công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang;

Quyết định số 3103/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2009 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc thành lập Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang;

Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công ngiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, huyện Châu Thành A;

Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang về việc sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 1 Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công ngiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, huyện Châu Thành A;

Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, huyện Châu Thành A;

Công văn số 5051/UBND-XDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ v/v lựa chọn quy định pháp luật để phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, huyện Châu Thành A;

Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A về việc thu hồi đất thực hiện dự án Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1.

Thông báo thu hồi đất số 44/TB-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Uỷ ban nhân dân huyện Châu Thành A để thực hiện dự án: Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1.

Thông báo số 124/TB-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Uỷ ban nhân dân xã Thạnh Xuân Về việc điều chỉnh, bổ sung Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1;

Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thạnh Xuân về việc thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, huyện Châu Thành A;

Thông báo thu hồi đất số 109/TB-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Uỷ ban nhân dân xã Thạnh Xuân để thực hiện dự án: Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, huyện Châu Thành A;

Công văn số 4537/UBND-XDĐT ngày 07 tháng 8 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ v/v chấp thuận Công ty Cổ phần Bê tông 620 Hậu Giang tiếp tục triển khai thực hiện dự án tại Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1;

Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2026 của Uỷ ban nhân dân xã Thạnh Xuân ban hành biện pháp, mức hỗ trợ khác đối với dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, huyện Châu Thành A;

Hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân bị ảnh hưởng (gọi tắt là hộ bị ảnh hưởng).

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ.

Thực hiện theo khoản 1 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 được quy định chi tiết và hướng dẫn tại Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ như sau:

1. Tổng diện tích đất thu hồi: 0 m² trong đó diện tích theo từng loại đất thu hồi.

Vị trí thu hồi đất: ấp Phú Lợi, xã Thạnh Xuân, thành phố Cần Thơ.

2. Tổng số hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi: 0 hộ gia đình, cá nhân.

3. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Theo Điều 4 Quyết định số 34/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ như sau:

Mức hỗ trợ bằng tiền là **02 (hai)** lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của thành phố đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 176 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 đối với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

4. Phương án bố trí tái định cư: Thực hiện theo Phương án bố trí tái định cư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

5. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi

- Số lượng mồ mã được hỗ trợ tiền cho người thân tự di dời, cải táng: 09 mộ.

- Số lượng mồ mã được đơn vị chức năng tổ chức di dời, cải táng: 0 mộ.

6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi

Việc di chuyển các công trình hạ tầng được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước: Không

7. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 2.574.104.388 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm bảy mươi bốn triệu một trăm lẻ bốn nghìn ba trăm tám mươi tám đồng)* bao gồm:

- Số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân: 2.574.104.388 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm bảy mươi bốn triệu một trăm lẻ bốn nghìn ba trăm tám mươi tám đồng).*

Đính kèm: Bảng tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư – Đợt 1.

- Chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện theo Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ.

8. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Trung tâm Phát triển quỹ đất, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quyết định phê duyệt, theo đúng trình tự thủ tục quy định.

Mức khen thưởng bàn giao mặt bằng trước thời gian bàn giao đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (gọi tắt là người) theo quy định tại Điều 7 và khoản 9 Điều 23 Quyết định số 34/2026/QĐ-UBND như sau:

a) Thời gian bàn giao đất:

- Đối với người không thuộc trường hợp được giao đất ở tái định cư: không quá 10 ngày kể từ khi được mời nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

- Đối với người thuộc trường hợp được giao đất ở tái định cư: không quá 30 ngày kể từ khi được giao đất ở tái định cư theo quy định và đã được mời nhận tiền.

b) Mức khen thưởng:

- Đối với người có đất bị thu hồi là chủ sở hữu tài sản trên đất: nếu di dời tài sản trên đất và bàn giao mặt bằng trước thời gian bàn giao đất theo mục a) nêu trên thì được thưởng 20.000.000 đồng. Trường hợp Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và công trình, cây trồng mà nhỏ hơn mức thưởng 20.000.000 đồng/người thì mức thưởng bằng với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ.

- Đối với người có đất bị thu hồi không phải là chủ sở hữu tài sản trên đất: nếu người có đất bị thu hồi và chủ sở hữu tài sản trên đất cùng đồng thời bàn giao mặt bằng trước thời gian bàn giao đất theo mục a) nêu trên thì người có đất bị thu hồi và chủ sở hữu tài sản trên đất mỗi người được thưởng 20.000.000

đồng. Trường hợp Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và công trình, cây trồng mà nhỏ hơn mức thưởng 20.000.000 đồng/người thì mức thưởng bằng với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ.

9. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản:

Theo Phần III Phương án này.

10. Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Các khoản hỗ trợ khác được thực hiện theo Điều 108 Luật Đất đai 2024; các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn, quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai 2024 ; Quyết định số 34/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

III. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Thực hiện theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ như sau:

1. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có)

Theo Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản tại mục 3 phần III Phương án này.

2. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Theo Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản tại mục 3 phần III Phương án này.

3. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại

Theo Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản đính kèm.

Đính kèm: Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản.

4. Giá đất và tài sản tính bồi thường

4.1. Giá đất tính bồi thường như sau:

Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 quy định về Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cụ thể như sau: "*6. Giá đất tính tiền bồi thường về đất quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Đất đai và giá đất tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư quy định tại khoản 3 Điều 111 của Luật Đất đai được tính theo giá đất trong bảng giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Nghị quyết này.*"

4.2. Giá tài sản tính bồi thường như sau

Thực hiện theo các văn bản như sau:

Quyết định số 63/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, côcng trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Quyết định số 66/2026/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

5. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

Thực hiện theo Quyết định số 34/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: tiền bồi thường về đất, tiền bồi thường tài sản, tiền bồi thường chi phí di chuyển tài sản, tiền bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, tiền hỗ trợ

Theo Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản tại mục 3 phần III Phương án này.

7. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Theo Phương án bố trí tái định cư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

8. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không có.

9. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có). Không có.

10. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có): Không có.

11. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có):

Theo Danh sách tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất.

12. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không có.

13. Việc bố trí tạm cư, thời gian và kinh phí tạm cư:

Theo Quyết định số 34/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Đính kèm:

- Hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản được nêu tại phương án này.

- Các văn bản, chủ trương của cơ quan thẩm quyền có liên quan đến việc lập Phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án.

**** Lưu ý: Đây là phương án dự kiến chưa được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Do đó, số tiền bồi thường được phê duyệt sau này của các hộ dân có thể tăng hoặc giảm so với phương án dự kiến.***

BẢNG TỔNG HỢP DỰ KIẾN KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, huyện Châu Thành A (Khu giao đất cho Công ty Cổ phần Bê tông 620 - Hậu Giang)

(Kèm theo Phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số ...../PA-CNPTQĐ KV VI ngày / /2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực VI)

TT	Số hồ sơ	Họ và tên	Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình	Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Kinh phí hỗ trợ	Tổng Cộng
1	0000002	Nguyễn Thái Bảo	0	73.294.926	0	0	**73.294.926**
2	0000003	Nguyễn Thị Luyến	0	130.196.992	640.000	0	**130.836.992**
3	0000004	Ngô Vĩnh Phương	0	70.731.000	0	0	**70.731.000**
4	0000005	Đoàn Minh Trung	0	60.000.000	0	0	**60.000.000**
5	0000007	Trần Thị Lan Oanh	0	184.338.930	0	0	**184.338.930**
6	0000008	Lư Thị Hường	0	28.446.390	0	0	**28.446.390**
7	0000009	Lư Thị Tròn	0	119.464.080	0	0	**119.464.080**
8	0000010	Lư Thị Điệp	0	147.202.761	0	0	**147.202.761**
9	0000011	Hồ Thị Điểu	0	60.768.739	0	0	**60.768.739**

TT	Số hồ sơ	Họ và tên	Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình	Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Kinh phí hỗ trợ	Tổng Cộng
10	0000012	Hồ Thị Nhạn	0	54.401.926	0	0	**54.401.926**
11	0000013	Hồ Thị Hà	0	127.549.418	0	0	**127.549.418**
12	0000014	Hồ Văn Hải	0	346.577.765	46.330.000	0	**392.907.765**
13	0000019	Nguyễn Thị Bích Tuyền	0	42.712.177	0	0	**42.712.177**
14	0000023	Lê Hùng Phương	0	277.963.437	0	0	**277.963.437**
15	0000024	Nguyễn Văn Liêm	0	36.568.440	0	0	**36.568.440**
16	0000028	Lê Văn Tuấn	0	150.389.652	0	0	**150.389.652**
17	0000030	Nguyễn Văn Thêm	0	225.677.448	13.550.000	0	**239.227.448**
18	0000031	Nguyễn Văn Thế	0	212.249.692	18.187.500	0	**230.437.192**
19	0000032	Đặng Thị Liên	0	146.823.115	40.000	0	**146.863.115**
		TỔNG CỘNG:	**0**	**2.495.356.888**	**78.747.500**	**0**	**2.574.104.388**

Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm bảy mươi bốn triệu một trăm lẻ bốn ngàn ba trăm tám mươi tám đồng .